

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H N

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Đức Lập

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H N tham gia phiên họp: Ông Lê Đức Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 05 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H N mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân & gia đình thụ lý số 70/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2022 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” theo Quyết định mở phiên họp số: 74/2022/QĐPH-ST ngày 28 tháng 04 năm 2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị L Đ T K, sinh ngày 30/01/1991. Quốc tịch: CHLB Đức

Địa chỉ: Markt 11,07545 Gera- Cộng Hòa Liên bang Đức; Số hộ chiếu: C1Z5NVGHX do cơ quan có thẩm quyền của CHLB Đức cấp ngày 04/11/2017 tại Schoningen – CHLB Đức (*chị K vắng mặt*).

- Anh N T H sinh ngày 11/12/1983.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 132 C B , phường Q T, quận Đ Đ, thành phố H N; Địa chỉ: Burgplatz 7, 38364 Schoningen – CHLB Đức; Số hộ chiếu: N2248878 do Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức cấp ngày 28/09/2020. (*anh H có mặt*);

Chị L Đ T K có ủy quyền cho anh N T H nhận Văn bản tố tụng thay chị (*anh H có mặt*)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo chị L Đ T K trình bày:

Tôi và anh N T H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện ngày 27/06/2017 tại Ủy ban nhân dân quận Đ Đ, thành phố H N.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, không thông cảm cho nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chúng tôi đã

sống ly thân từ cuối năm 2021, đến nay cả hai chúng tôi đều thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, không thể đoàn tụ được, xin được thuận tình ly hôn để tạo dựng cuộc sống mới.

- Về con chung: không có con chung.
- Về tài sản và công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Anh N T H trình bày:

Tôi và chị L Đ T K kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đi đăng ký kết hôn ngày 27/06/2017 tại Ủy ban nhân dân quận Đ Đ, thành phố H N.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, không thông cảm cho nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chúng tôi đã sống ly thân từ cuối năm 2021, đến nay cả hai chúng tôi đều thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, không thể đoàn tụ được, xin được thuận tình ly hôn để tạo dựng cuộc sống mới.

- Về con chung: không có con chung.
- Về tài sản và công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp:

- Chị L Đ T K có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Chị K có ý kiến ủy quyền cho anh H nhận văn bản tố tụng thay chị. Anh H có mặt.

- Anh N T H giữ nguyên ý kiến và quan điểm đã trình bày, anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh và chị L Đ T K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H N phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Hôn nhân của chị L Đ T K và anh N T H là hợp pháp. Đến nay anh chị đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh H và chị K; Về con chung: không có nên không xem xét; Về tài sản và công nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét; Về lệ phí: ghi nhận sự tự nguyện của anh N T H tự nguyện nộp cả lệ phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra, xem xét tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố H N nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị L Đ T K và anh N T H kết hôn do tìm hiểu tự nguyện và có Đăng ký kết hôn 27/06/2017 tại Ủy ban nhân dân quận Đ Đ, thành phố H N nên là hôn nhân hợp pháp. Việc anh N T H và chị L Đ T K yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình tại Tòa án là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Khi Tòa án thụ lý giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình, chị L Đ T K đang sinh sống và làm việc tại CHLB Đức nên Tòa án nhân dân thành phố H N thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của chị L Đ T K tại phiên họp: chị L Đ T K vắng mặt nhưng đã có ý kiến xin giải quyết vắng mặt tại đơn xin ly hôn. Đồng thời chị Kim đã có ý kiến ủy quyền cho anh H nhận văn bản tố tụng, tại phiên họp anh H có mặt. Do vậy, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân & Gia đình vắng mặt chị L Đ T K theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về Nội dung:

- Về Hôn nhân: Chị L Đ T K và anh N T H thống nhất quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp tính tình, quan điểm cách sống không hợp nhau, sống ly thân từ năm 2021 mỗi người mỗi nơi. Như vậy, mâu thuẫn của anh H và chị K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh N T H và chị L Đ T K là chính đáng và phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

- Về con chung: Chị L Đ T K và anh N T H không có con chung nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị L Đ T K và anh N T H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về lệ phí việc Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh N T H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35, Điều 37; Điều 371, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 55, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Xử:

- Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị L Đ T K và anh N T H.
- Về con chung: Chị L Đ T K và anh N T H không có con chung nên Tòa án không xem xét.
- Về tài sản và công nợ chung: Chị L Đ T K và anh N T H không yêu cầu Tòa án giải quyết Tòa án không xem xét.
- Về lệ phí việc Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của anh N T H tự nguyện nộp cả 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0000721 ngày 27/04/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố H N.
- Về việc thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay, không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP H N;
- Cục THADS TP H N;
- Lưu Vp, HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Đức Lập